

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Tin giá Heo hơi ngày 1/11/2021 - Cập nhật lúc 19h: Giá Heo hơi tại miền Nam dự kiến điều chỉnh tăng 1.000 đồng/kg vào ngày mai (2/11) 19:00 01/11

- Tại thị trường miền Nam, giá heo hơi dự kiến điều chỉnh tăng 1.000 đồng/kg vào ngày mai (2/11) đối với heo nhỏ ký, đưa mặt bằng giá lên quanh 46.000-51.000 đồng/kg.

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Nam trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	30/10/2021	31/10/2021	01/11/2021	Dự kiến 02/11/2021
Heo công ty	Đồng Nai	48.000-50.000	46.000-50.000	46.000-50.000	46,000-51.000

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 1/11/2021 13:35 01/11

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Nguồn cung heo ra thị trường vượt nhu cầu tiêu thụ là cản trở chính cho sự hồi phục của giá heo Trung Quốc trong bối cảnh tốc độ giảm đàn nái không như kỳ vọng. Theo đó, hôm nay giá heo Trung Quốc giảm còn 16,4 tệ/kg, tương đương 58.000 đồng/kg. Tại các tỉnh miền Nam Trung Quốc, giá heo tăng giảm trái chiều, còn quanh 17 tệ/kg, tương đương 59-61.000 đồng/kg.

- Trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 11/2021, giá heo hơi kỳ hạn trên sàn Đại Liên đồng loạt giảm từ 3-6% trước nỗi lo dư cung kéo dài. Theo đó, giá heo kỳ hạn tháng 1/2022 mất tới 6% giá trị, còn dưới 16 tệ/kg, tương đương hơn 56.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Tại miền Bắc

- Tại miền bắc Việt Nam, hôm nay giá heo các công ty điều chỉnh giảm còn quanh 45-46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo đẹp nhưng cũng khó bán. Đối với heo dân, giá tạm thời không giảm thêm, dao động quanh 43-45.000 đồng/kg tùy vùng.

- Kỳ vọng giá heo sẽ tăng lên khi học sinh đi học trở lại vào giữa tháng 11 cùng nguồn cung heo bị sụt giảm sau giai đoạn dịch tả châu Phi vào tháng 10 vừa qua nên khu vực nuôi gột có xu hướng tấp heo 100-110 kg vào nuôi nhiều hơn, hỗ trợ giá heo không bị giảm mạnh cho dù sức mua hiện tại không quá sôi động.

Tại miền Trung

- Tại miền Trung, hôm nay giá heo dân/công ty điều chỉnh giảm còn 46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn nhưng lực bắt yếu hoặc áp dụng cho heo gọn ký.

Tại miền Nam

- Thương lái cho biết, biểu heo của miền Trung và miền Nam vẫn khá to, từ 130-140 kg/con nên các khu vực này vẫn chờ giá heo miền Bắc hồi phục để đẩy bán heo to ra Bắc. Hôm nay, giá heo to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam giảm còn 38-39.000 đồng/kg nhưng lực bán ra Bắc chậm do chênh lệch giá không còn hấp dẫn.

- Tại miền Nam, từ cuối tuần trước, giá heo được điều chỉnh giảm 2.000 đồng/kg, còn 45-48.000 đồng/kg tùy công ty, trong đó mức phổ biến 45-46.000 đồng/kg.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Do có ca nhiễm Covid 19 tại lò nên từ hôm qua lò mổ Thạch Bích (Minh Hiền) bị đóng cửa, dự kiến kéo dài 3 ngày cho tới khi việc điều tra dịch tễ, khoanh vùng và phun khử khuẩn làm xong.

- Tại lò Vạn Phúc, lượng heo đưa vào giết mổ vẫn chỉ đạt quanh 1.300 con do thời tiết mưa lạnh kéo dài khiến nhu cầu tiêu thụ của khu vực nhà hàng, quán ăn chậm lại. Giá heo mảnh tại lò được cao nhất 62.000 đồng/kg, phổ biến 55-56.000 đồng/kg.

- Tại chợ Hà Nam, mặc dù lượng heo miền Trung và miền Nam ra giảm mạnh, còn khoảng 5-6 xe/ngày nhưng do lượng heo dân quanh chợ bán ra nhiều hơn do mưa khiến lượng heo to được tấp vào đôn giá trước đó bị tiêu chảy. Chợ bán trung bình với giá hàng đầu 46-47.000 đồng/kg, phổ biến 40-41.000 đồng/kg, hàng chân 34-35.000 đồng/kg.

- Tại chợ Tân Xuân, rạng sáng nay lượng heo nhập chợ đạt hơn 1.300 con. Chợ bán khá tốt vào giữa phiên nhưng rút mạnh còn 40-41.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 61-63.000 đồng/kg. Từ cuối tuần trước, toàn bộ các lò mổ heo tại TPHCM đều đã đi vào hoạt động trở lại với tổng lượng heo đưa vào giết mổ đạt gần 5.200 con, tăng hơn 10% so với tuần trước đó.

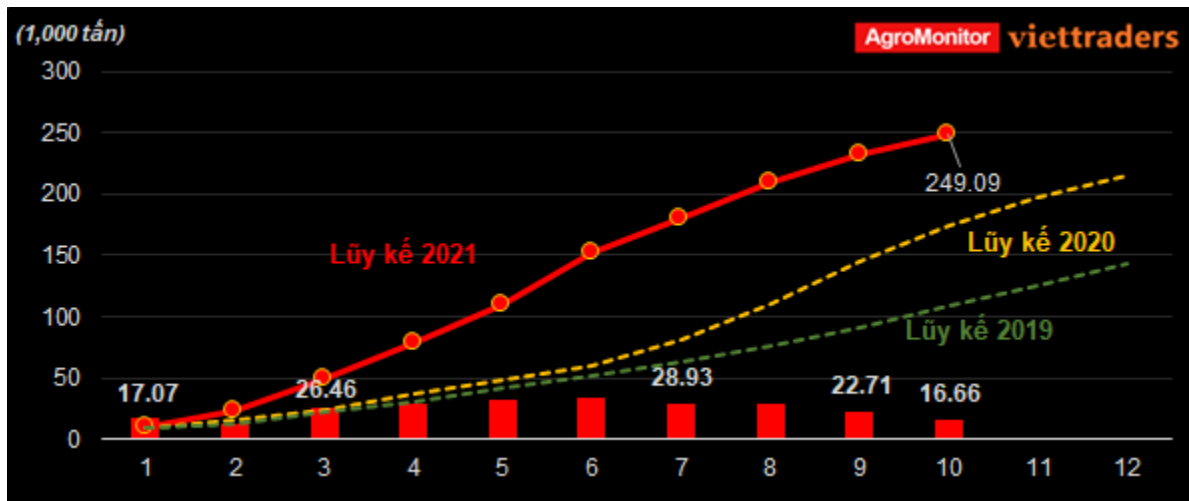
Giao dịch biên mậu

- Mặc dù có những đồn đoán về việc heo đi Campuchia nhưng thương nhân cho biết lượng heo đi được không nhiều, chỉ tầm 200-300 con/ngày, không ảnh hưởng nhiều tới cung cầu của thị trường.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 26/10/2021 (nghìn tấn)
13:13 30/10

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 26/10/2021

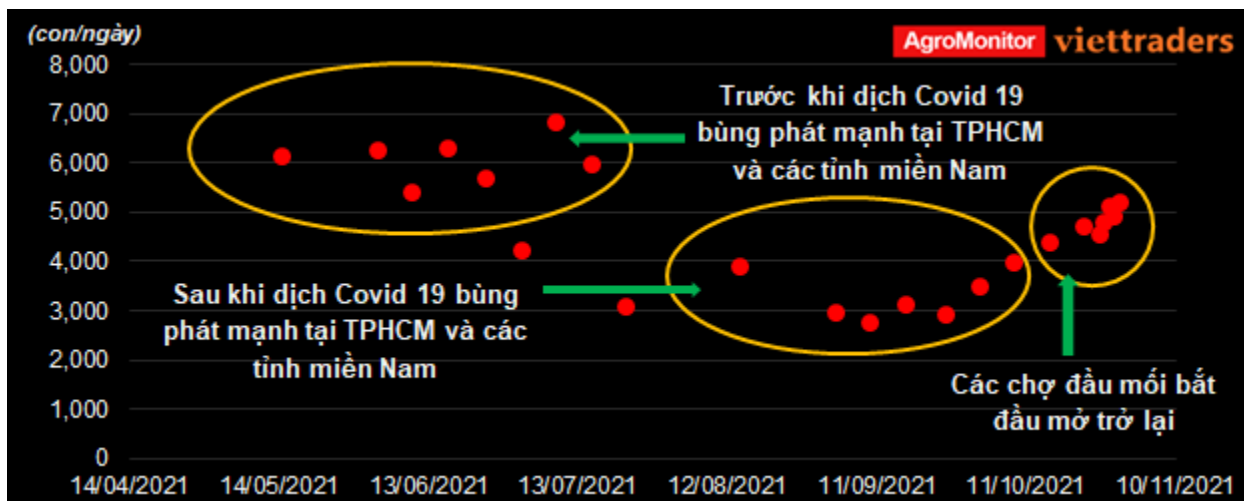
[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 30/10/2021 (con/ngày) 17:18 30/10

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 30/10/2021 (con/ngày)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 1/11/2021 09:41 01/11

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		46,000-48,000	48,000	48,000-50,000
Heo dân	Thái Bình	43,000-45,000	43,000-45,000	43,000-52,000
	Bắc Giang	43,000-46,000	43,000-46,000	43,000-53,000
	Hà Nội	44,000-46,000	44,000-46,000	44,000-53,000
Heo giống				

Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	800.000-1.000.000	800.000-1.000.000	800.000-1.000.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		46,500-49,000	47,500-49,000	45,500-49,000
Heo dân	Nghệ An	45,000-47,000	45,000-48,000	45,000-52,000
	Bình Định	46,000-47,000	47,000-49,000	47,000-50,000
	Đắc Lắc	45,000-47,000	45,000-48,000	45,000-50,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	46,000-50,000	48,000-50,000	48,000-50,000
	Miền Tây	45,000-50,000	47,000-50,000	47,000-50,000
Heo dân	Đồng Nai	45,000-48,000	45,000-48,000	44,000-50,000
	Tiền Giang	45,000-46,000	45,000-46,000	44,000-50,000
	Bến Tre	42,000-45,000	43,000-47,000	40,000-50,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.100.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.100.000-1.200.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 1/11/2021 11:12 01/11

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	28.000-29.500	28.000-29.500	27.000-30.000
	Miền Nam	27.000-28.000	18.000-19.000	19.000-27.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	28.500-29.500	28.500-29.500	27.000-29.500

	Vĩnh Phúc	29.000-30.000	29.000-30.000	27.000-30.000
	Hà Nội	29.000-30.000	29.000-30.000	27.000-30.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	25.000-26.000	20.000-21.000	21.000-28.000
	Bình Phước	25.000-26.000	20.000-21.000	21.000-28.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vựcb	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Nam	40.000-42.000	40.000	40.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-55.000	50.000-55.000	50.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	38.000-40.000	38.000-40.000	38.000-40.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	34.000-36.000	34.000-36.000	34.000-38.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	50.000-53.000	50.000-53.000	48.000-49.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	45.000-46.000	56.000-57.000	53.000-57.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 1/11/2021 03:21 01/11

Giá heo hơi Trung Quốc giảm nhẹ thêm trong ngày đầu tháng 11, mặt bằng giá các tỉnh phía Nam cũng bị kéo giảm.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	17,09	▼0,05	▲0,63	▲4,73	▼13,44	60.700
Quảng Tây		16,74	▼0,17	▲1,37	▲4,53	▼13,78	59.500
Vân Nam		15,85	▼0,18	▲0,40	▲6,10	▼14,42	56.300
Phúc Kiến		17,09	▲0,01	▲1,32	▲5,51	▼12,51	60.700
Tứ Xuyên		17,44	▲0,07	▲0,91	▲5,76	▼12,71	61.900
Liêu Ninh		15,59	▲0,04	▲0,27	▲5,51	▼12,28	55.400
Hà Bắc		16,23	▼0,03	▲0,98	▲5,39	▼11,87	57.600
Sơn Đông		16,21	▼0,10	▲0,15	▲5,51	▼11,91	57.600
Bình quân			16,41	▼0,06	▲0,36	▲5,40	▼12,57
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.100
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	49.600
Miền Trung		75,00	—0,00	▲10,00	▲15,00	▲1,00	52.400
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.100
Miền Tây		80,00	—0,00	▲8,00	▲21,00	-	55.900
Miền Nam		82,00	—0,00	▲4,00	▲13,00	-	57.300
Bình quân			75,25	—0,00	▲3,67	▲8,17	▼1,75
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.810	-	-	-	-	60.500
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	59.813	▲604	▲449	▲934	▲17.247	95.700

Thị trường Gia súc thể giới ngày 1/11/2021

03:26 01/11/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THỂ GIỚI NGÀY 01/11/2021	
Thị trường Heo	<p>▶ Giá heo Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân giảm thêm xuống 16,41 tệ/kg (▼0,06 tệ/kg); - Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 16,74 tệ/kg (▼0,17 tệ/kg).

▶ Giá heo Thái Lan

- Giá phổ biến tuần này nhích thêm lên quanh mức 76-82 Baht/kg (▲2 baht/kg);
- Giá heo con và giá heo hơi đều có xu hướng hồi phục trở lại;
- Kênh xuất khẩu heo sống có chiều hướng chậm hơn.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Nguồn cung heo ra thị trường vượt nhu cầu tiêu thụ là cản trở chính cho sự hồi phục của giá heo Trung Quốc trong bối cảnh tốc độ giảm đàn nái không như kỳ vọng. Theo đó, hôm nay giá heo Trung Quốc giảm còn 16,4 tệ/kg, tương đương 58.000 đồng/kg. Tại các tỉnh miền Nam Trung Quốc, giá heo tăng giảm trái chiều, còn quanh 17 tệ/kg, tương đương 59-61.000 đồng/kg.

- Trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 11/2021, giá heo hơi kỳ hạn trên sàn Đại Liên đồng loạt giảm từ 3-6% trước nỗi lo dư cung kéo dài. Theo đó, giá heo kỳ hạn tháng 1/2022 mất tới 6% giá trị, còn dưới 16 tệ/kg, tương đương hơn 56.000 đồng/kg.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc giảm nhẹ thêm trong ngày đầu tháng 11, mất bằng giá các tỉnh phía Nam cũng bị kéo giảm.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<i>Trung Quốc</i>							
Quảng Đông	CNY/kg	17,09	▼0,05	▲0,63	▲4,73	▼13,44	60.700
Quảng Tây		16,74	▼0,17	▲1,37	▲4,53	▼13,78	59.500
Vân Nam		15,85	▼0,18	▲0,40	▲6,10	▼14,42	56.300
Phúc Kiến		17,09	▲0,01	▲1,32	▲5,51	▼12,51	60.700
Tứ Xuyên		17,44	▲0,07	▲0,91	▲5,76	▼12,71	61.900
Liêu Ninh		15,59	▲0,04	▲0,27	▲5,51	▼12,28	55.400
Hà Bắc		16,23	▼0,03	▲0,98	▲5,39	▼11,87	57.600

Sơn Đông		16,21	▼0,10	▲0,15	▲5,51	▼11,91	57.600
Bình quân		16,41	▼0,06	▲0,36	▲5,40	▼12,57	58.300
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.100
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	49.600
Miền Trung		75,00	—0,00	▲10,00	▲15,00	▲1,00	52.400
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.100
Miền Tây		80,00	—0,00	▲8,00	▲21,00	-	55.900
Miền Nam		82,00	—0,00	▲4,00	▲13,00	-	57.300
Bình quân		75,25	—0,00	▲3,67	▲8,17	▼1,75	52.500
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.810	-	-	-	-	60.500
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	59.813	▲604	▲449	▲934	▲17.247	95.700

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 01/11/2020 – 01/11/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 31/10/2020 – 31/10/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tuần qua, giá heo hơi kỳ hạn tại sàn Đại Liên có xu hướng giảm lại khi càng về cuối tuần, tuy nhiên nhìn chung mặt bằng giá bình quân tuần này vẫn tăng nhẹ so với bình quân tuần trước.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 11/2021	15,21	14,88	14,67	14,67	14,57	14,80	▲ 0,73	52.700
Tháng 1/2022	17,26	17,09	17,37	17,32	17,00	17,21	▲ 1,10	61.300
Tháng 3/2022	15,57	15,31	15,42	15,31	15,15	15,35	▲ 0,32	54.600
Tháng 5/2022	16,67	16,42	16,44	16,09	15,92	16,31	▲ 0,13	58.000
Tháng 7/2022	17,76	17,52	17,54	17,18	17,05	17,41	▲ 0,16	62.000
Tháng 9/2022	18,67	18,35	18,37	18,12	17,98	18,30	▲ 0,12	65.100

Biên độ tăng của giá heo giống Trung Quốc và Thái Lan có xu hướng nới rộng hơn vào tuần này.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	13,87	—0,00	▲ 0,70	▼ 3,96	▼ 88,83	49.300
Miền Bắc		15,14	—0,00	▲ 0,38	▼ 4,55	▼ 91,27	53.800
Miền Đông		17,61	—0,00	▲ 0,45	▼ 4,16	▼ 91,46	62.500
Miền Trung		17,51	—0,00	▲ 0,52	▼ 4,02	▼ 94,44	62.200
Miền Nam		17,50	—0,00	▲ 0,09	▼ 6,00	▼ 95,53	62.200
Vùng Tây Nam		18,39	—0,00	▲ 0,59	▼ 3,16	▼ 91,78	65.300
Vùng Tây Bắc		16,18	—0,00	▲ 0,46	▼ 4,28	▼ 90,01	57.500
Bình quân			16,82	—0,00	▲ 0,46	▼ 4,26	▼ 91,59
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	1.800	—0,00	▲ 200	▲ 500	▼ 600	1.255.000
CP – 16kg		2.100 (+/- 76)	—0,00	▲ 200	▲ 500	▼ 600	1.464.000
CP – 25kg		2.200 (+/- 76)	—0,00	▲ 200	▲ 500	▼ 600	1.534.000
Trại dân – 12kg		2.000	—0,00	▲ 200	▲ 500	▼ 600	1.394.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
------	------------------------------

15/10/2021	<p>- Ba Lan tiếp tục phát hiện thêm 18 con heo rừng và 2 con heo nhà bị nhiễm bệnh.</p> <p>- Dịch tả heo châu Phi có chiều hướng bùng phát mạnh tại Romania, có 4 con heo rừng và 35 con heo nhà bị nhiễm bệnh. Trong số đó, 4 con heo rừng trên đã được tiêu hủy và tổng cộng có tới 19.000 con heo nhà bị ảnh hưởng hoặc có liên quan đến các ổ dịch, 299 con đã bị chết và 480 con khác đã được tiêu hủy.</p> <p>- Tại Nga, vào cùng ngày cũng đã ghi nhận 17 con heo rừng nhiễm bệnh và chết, 157 con heo nhà nhiễm bệnh, 145 con trong số đó bị chết và số còn lại cùng những trường hợp có liên quan tổng cộng lên tới 948 con đã bị tiêu hủy. Số ổ dịch của những trường hợp trên là 24 (trong đó 16 ổ dịch ghi nhận đối với heo nhà).</p> <p>- Đàn heo rừng tại Đức tiếp tục ghi nhận thêm số ca nhiễm bệnh mới, khởi điểm từ 18 con bị nhiễm bệnh đã lây lan ra tổng cộng 63 con, trong đó 49 con đã bị chết và 14 con còn lại đã được tiêu hủy.</p>
19/10/2021	<p>- Dịch tả heo châu Phi tại Hungary có chiều hướng êm hơn khi trong vòng 1 tuần nước này chỉ ghi nhận 2 trường hợp heo rừng nhiễm bệnh, cả 2 con đều đã được tiêu hủy.</p> <p>- Tại Latvia, 10 ổ dịch heo rừng với tổng cộng 15 con đã được phát hiện nhiễm bệnh và tiêu hủy.</p>

Sản xuất – Tiêu thụ

► **Tại Trung Quốc**

Trong tháng 9/2021, lượng heo sống xuất bán của top 15 doanh nghiệp chăn nuôi tại Trung Quốc tăng 10% so với tháng trước, trong đó xu hướng tăng ghi nhận tại hầu khắp các doanh nghiệp.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 8	Tháng 9	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					9T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	2.573,0	3.086,0	▲ 20%	26.107,0	40.000,0	65%
2	Zhenbang Tech	1.711,6	1.376,0	▼ 20%	11.835,3	20.000,0	59%
3	New Hope	779,7	935,7	▲ 20%	6.811,3	16.000,0	43%
4	Wen's	1.310,6	1.698,8	▲ 30%	8.975,2	12.000,0	75%
5	Cofco	287,0	288,0	-	2.601,0	-	-
6	Dabeinong	401,0	424,1	▲ 6%	2.948,7	5.000,0	59%
7	Aonong Bio	213,4	325,9	▲ 53%	2.051,4	4.000,0	51%

8	Tianbang	353,3	321,2	▼9%	2.807,7	7.000,0	40%
9	Tiankang Bio	199,5	158,0	▼21%	1.218,1	2.000,0	61%
10	Tang Ren Shen	87,1	108,0	▲24%	1.151,6	2.000,0	58%
11	Jin Xinnong	43,9	70,2	▲60%	623,5	1.200,0	52%
12	Longda Meat	38,1	28,8	▼24%	315,7	-	-
13	Luo Niu Shan	28,9	38,3	▲33%	271,0	-	-
14	Dawnrays	24,3	25,2	▲4%	251,1	400,0	63%
15	Zhenhong Tech	18,1	29,9	▲65%	144,1	-	-
Tổng		8.069,5	8.914,1	▲10%	68.112,7	-	-

Ghi chú: Mục tiêu xuất bán của công ty Muyuan đã được điều chỉnh tăng lên so với dữ liệu trước đó.

Thương mại

► *Tại Thái Lan*

Campuchia vẫn có xu hướng giảm nhập khẩu khi tiêu thụ trong nước vẫn chậm trước những lo ngại dịch bệnh Covid 19 cùng với dịch tả heo châu Phi, theo đó lượng nhập khẩu từ Thái Lan trong tuần này có xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước, trung bình tuần này thấp hơn tuần trước khoảng 200 con/ngày.

Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 23/10	Tuần kết thúc 30/10	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	500	300-500	▼200	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 01/11/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,752	—0,00	AUD/VND*	17.423	—0,00

BRL (Brazil)	BRL/USD	0,177	-0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,807	-0,00	CAD/VND*	18.719	-0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,156	-0,00	CNY/VND	3.552	-0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,156	-0,00	EUR/VND*	27.340	-0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,368	-0,00	GBP/VND*	31.875	-0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	-0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,60	-0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	-0,00	THB/VND*	698	-0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,850	-0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank
Thị trường Gia súc nội địa ngày 1/11/2021

14:19 01/11/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 01/11/2021

THỊ TRƯỜNG HEO	
Giá heo hơi nội địa	
<u>Miền Bắc</u>	<p>Heo công ty: 45.000-46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo đẹp nhưng cũng khó bán.</p> <p>Heo dân: 43.000-45.000 đồng/kg, tùy vùng.</p>
<u>Miền Trung</u>	<p>Giá heo dân/công ty điều chỉnh giảm còn 46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn nhưng lực bắt yếu hoặc áp dụng cho heo gọn ký.</p>
<u>Miền Nam</u>	<p>Từ cuối tuần trước, giá heo được điều chỉnh giảm 2.000 đồng/kg, còn 45-48.000 đồng/kg tùy công ty, trong đó mức phổ biến 45-46.000 đồng/kg.</p>
<p>Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu heo của miền Trung và miền Nam vẫn khá to, từ 130-140 kg/con nên các khu vực này vẫn chờ giá heo miền Bắc hồi phục để đẩy bán heo to ra Bắc. - Hôm nay, giá heo to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam giảm còn 38-39.000 đồng/kg nhưng lực bán ra Bắc chậm do chênh lệch giá không còn hấp dẫn. 	
Giao dịch tại chợ đầu mỗi/lò mổ	
<u>Chợ đầu mỗi Ngọc Lũ-Hà Nam</u>	<p>- Lượng heo về chợ: ước khoảng 3,000 con, trong đó heo miền Trung và miền Nam ra giảm, còn khoảng 5-6 xe/ngày nhưng lượng heo dân quanh chợ bán ra nhiều hơn.</p> <p>Giao dịch tại chợ: chợ bán trung bình, giá heo đầu 46-47.000 đồng/kg, phổ biến 40-41.000 đồng/kg, hàng chân 34.000-35.000 đồng/kg.</p>

<u>Lò mổ -HN</u>	<p><i>Vạn Phúc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng heo đưa vào giết mổ vẫn chỉ đạt quanh 1.300 con. - Giá heo mảnh tại lò được cao nhất 62.000 đồng/kg, phổ biến 55-56.000 đồng/kg. <p><i>Minh Hiền (Thạch Bích):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Do có ca nhiễm Covid 19 tại lò nên từ hôm qua lò bị đóng cửa, dự kiến kéo dài 3 ngày cho tới khi việc điều tra dịch tễ, khoanh vùng và phun khử khuẩn làm xong.
<u>Chợ đầu mối -HCM</u>	<p><i>Chợ Tân Xuân:</i></p> <p>Lượng heo nhập chợ đạt hơn 1.300 con</p> <p>Giao dịch tại chợ: 40.000-65.000 đồng/kg</p>
Biên mậu	
<p>Mặc dù có những đồn đoán về việc heo đi Campuchia nhưng thương nhân cho biết lượng heo đi được không nhiều, chỉ tầm 200-300 con/ngày, không ảnh hưởng nhiều tới cung cầu của thị trường.</p>	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, hôm nay giá heo các công ty điều chỉnh giảm còn quanh 45-46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo đẹp nhưng cũng khó bán. Đối với heo dân, giá tạm thời không giảm thêm, dao động quanh 43-45.000 đồng/kg tùy vùng.

- Kỳ vọng giá heo sẽ tăng lên khi học sinh đi học trở lại vào giữa tháng 11 cùng nguồn cung heo bị sụt giảm sau giai đoạn dịch tả châu Phi vào tháng 10 vừa qua nên khu vực nuôi gột có xu hướng tấp heo 100-110 kg vào nuôi nhiều hơn, hỗ trợ giá heo không bị giảm mạnh cho dù sức mua hiện tại không quá sôi động.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		46,000-48,000	48,000	48,000-50,000
Heo dân	Thái Bình	43,000-45,000	43,000-45,000	43,000-52,000
	Bắc Giang	43,000-46,000	43,000-46,000	43,000-53,000
	Hà Nội	44,000-46,000	44,000-46,000	44,000-53,000

Heo giống			
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	800.000-1.000.000	800.000-1.000.000	800.000-1.000.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

- **Tại miền Trung**, hôm nay giá heo dân/công ty điều chỉnh giảm còn 46.000 đồng/kg, mức trên 46.000 đồng/kg vẫn còn nhưng lực bắt yếu hoặc áp dụng cho heo gọn ký.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		46,500-49,000	47,500-49,000	45,500-49,000
Heo dân	Nghệ An	45,000-47,000	45,000-48,000	45,000-52,000
	Bình Định	46,000-47,000	47,000-49,000	47,000-50,000
	Đắc Lắc	45,000-47,000	45,000-48,000	45,000-50,000

3. Miền Nam

- Thương lái cho biết, biểu heo của miền Trung và miền Nam vẫn khá to, từ 130-140 kg/con nên các khu vực này vẫn chờ giá heo miền Bắc hồi phục để đẩy bán heo to ra Bắc. Hôm nay, giá heo to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam giảm còn 38-39.000 đồng/kg nhưng lực bán ra Bắc chậm do chênh lệch giá không còn hấp dẫn.

- **Tại miền Nam**, từ cuối tuần trước, giá heo được điều chỉnh giảm 2.000 đồng/kg, còn 45-48.000 đồng/kg tùy công ty, trong đó mức phổ biến 45-46.000 đồng/kg.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	46,000-50,000	48,000-50,000	48,000-50,000
	Miền Tây	45,000-50,000	47,000-50,000	47,000-50,000
Heo dân	Đồng Nai	45,000-48,000	45,000-48,000	44,000-50,000
	Tiền Giang	45,000-46,000	45,000-46,000	44,000-50,000
	Bến Tre	42,000-45,000	43,000-47,000	40,000-50,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.100.000

Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.100.000-1.200.000
--	---------------------	---------------------	---------------------

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Do có ca nhiễm Covid 19 tại lò nên từ hôm qua lò mổ Thạch Bích (Minh Hiền) bị đóng cửa, dự kiến kéo dài 3 ngày cho tới khi việc điều tra dịch tễ, khoanh vùng và phun khử khuẩn làm xong.

- **Tại lò Vạn Phúc**, lượng heo đưa vào giết mổ vẫn chỉ đạt quanh 1.300 con do thời tiết mưa lạnh kéo dài khiến nhu cầu tiêu thụ của khu vực nhà hàng, quán ăn chậm lại. Giá heo mảnh tại lò được cao nhất 62.000 đồng/kg, phổ biến 55-56.000 đồng/kg.

- **Tại chợ Hà Nam**, mặc dù lượng heo miền Trung và miền Nam ra giảm mạnh, còn khoảng 5-6 xe/ngày nhưng do lượng heo dân quanh chợ bán ra nhiều hơn do mưa khiến lượng heo to được tấp vào đôn giá trước đó bị tiêu chảy. Chợ bán trung bình với giá hàng đầu 46-47.000 đồng/kg, phổ biến 40-41.000 đồng/kg, hàng chân 34-35.000 đồng/kg.

- **Tại chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập chợ đạt hơn 1.300 con. Chợ bán khá tốt vào giữa phiên nhưng rút mạnh còn 40-41.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 61-63.000 đồng/kg.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

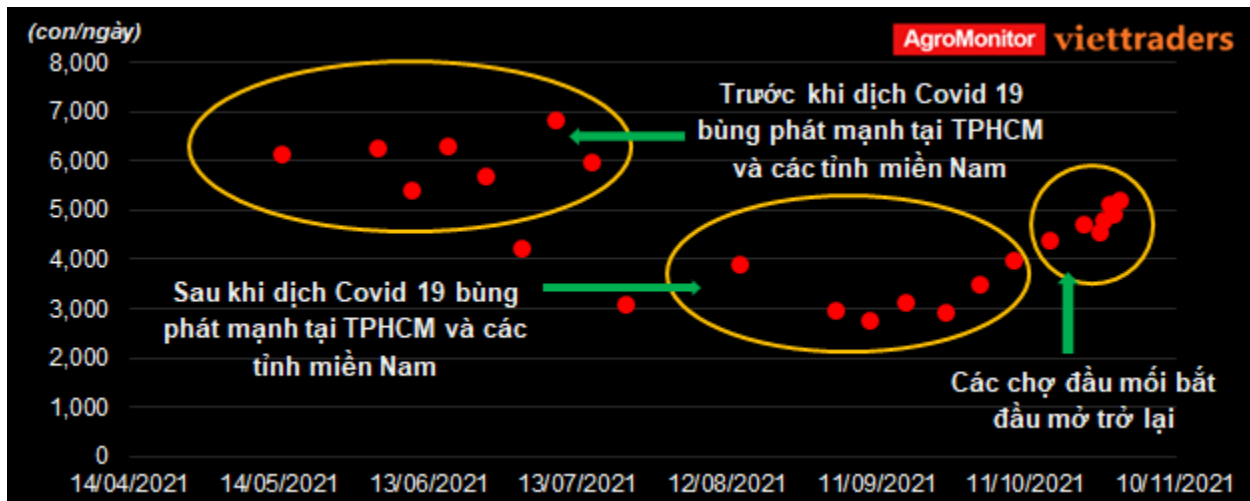
Khu vực	Chợ đầu mối		01/11/2021	29/10/2021
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	3,000	>1,000
		Giá giao dịch tại chợ (đồng/kg)	34,000-47,000	38,000-47,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo bán (con)	>1,300	850
		Giá giao dịch (đồng/kg)	40,000-65,000	50,000-65,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	01/11/2021	29/10/2021	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	62,000	62,000
		CP - miền Nam	62,000	62,000
		CJ - miền Nam	61,000	61,000
		Eminvest - miền Nam	61,500	61,500
Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000-62,000	49,000-61,000	
		Vạn Phúc – Hà Nội	40,000	40,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Lộc An - TPHCM	35,000	35,000

- Từ cuối tuần trước, toàn bộ các lò mổ heo tại TPHCM đều đã đi vào hoạt động trở lại với tổng lượng heo đưa vào giết mổ đạt gần 5.200 con, tăng hơn 10% so với tuần trước đó.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Biên mẫu

- Mặc dù có những đồn đoán về việc heo đi Campuchia nhưng thương nhân cho biết lượng heo đi được không nhiều, chỉ tầm 200-300 con/ngày, không ảnh hưởng nhiều tới cung cầu của thị trường.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Thời tiết mưa kéo dài khiến dịch bệnh trên heo có xu hướng nổi mạnh bùng phát nhiều hơn, trong đó, dịch tả châu Phi và tai xanh chiếm tỷ trọng lớn, nổi lại tại nhiều tỉnh thành miền Bắc.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi vẫn đang nổi nhiều tại cả khu vực Bắc miền Trung và Nam miền Trung, trong đó, các tỉnh đang nổi dịch mạnh bao gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn đang bùng phát tại cả miền Đông và miền Tây. Cùng với dịch tả châu Phi, bệnh tai xanh cũng vẫn lai rai có tại nhiều vùng. Các tỉnh đang bị dịch gồm có Đồng Nai, Bình Dương, Bến Tre, Tiền Giang, An Giang...

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	01/11/2021	29/10/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000

Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	01/11/2021	29/10/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 1/11/2021

12:35 01/11/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 01/11/2021

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 28.000-30.000 đồng/kg Nguồn cung gà trong dân lẫn công ty đều vẫn hơn, gà biểu to tương đối khan hỗ trợ giá gà trắng ngoài Bắc có thể sẽ tăng trở lại trong tuần này.
	Tại miền Nam: 24.000-28.000 đồng/kg Giá gà bất ngờ bật tăng tốt nhờ nhu cầu thu mua từ các nhà hàng quán ăn trôi hơn. Đà tăng của giá gà trắng trong Nam được nhận định sẽ không bền do nguồn cung gà lông lẫn gà đông lạnh vẫn khá nhiều trong khi gà khu vực này đã tạm ngưng đi Cam từ hôm qua.
<u>Lò giết mổ An Nhơn</u>	Lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày 30/10 đạt 75.565 con, tăng tốt gần 20% so với ngày cuối tuần trước đó 23/10 và mức này chỉ còn thấp hơn 8% so với công suất giết mổ của lò An Nhơn.
<u>Gà trắng giống</u>	Tại miền Bắc: 4.000-6.000 đồng/kg Tại miền Nam: 5.000-7.000 đồng/con

	Tại miền Bắc, các công ty chuyên ấp nở giống đang chịu lỗ tương đối nhiều khiến các công ty đẩy bán trứng nhiều hơn thay vì đưa vào ấp nở.
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 34.000-36.000 đồng/kg Tại miền Đông: 50.000-53.000 đồng/con Tại miền Tây: 45.000-46.000 đồng/con Giá vịt thịt tại miền Tây tiếp tục lao dốc do lực bán tại cửa trại ế ẩm.

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- **Tại miền Bắc**, giá gà trắng một số công ty tiếp tục giảm nhẹ vào cuối tuần trước và có xu hướng chững lại trong đầu tuần này, giá bán ra tại trại dao động từ 27.5-29.500 đồng/kg. Tại thị trường tự do, giá gà trắng chưa có biến động mới, mặt bằng giao dịch phổ biến 28-28.500 đồng/kg áp dụng cho biểu dưới 3.5 kg/con, với gà to 3.8 kg/con đầu giá được 29.500 đồng/kg. Mặc dù thời tiết mưa lạnh kéo dài trong khi giá heo giao dịch ở ngưỡng rất thấp tạo sức ép lên tiêu thụ gà trắng tuy nhiên nguồn cung gà trong dân lẫn công ty đều vẫn hơn, gà biểu to tương đối khan hỗ trợ giá gà trắng ngoài Bắc có thể sẽ tăng trở lại trong tuần này.

- **Tại miền Nam**, giá gà trắng bất ngờ bật tăng tốt từ cuối tuần trước nhờ nhu cầu thu mua từ các nhà hàng quán ăn tốt hơn, lên 27-28.000 đồng/kg với gà công ty và 25-26.000 đồng/kg với gà trong dân. Tuy nhiên, theo nhận định của thương nhân, đà tăng của giá gà trắng trong Nam sẽ không bền do nguồn cung gà lông lẫn gà đông lạnh đẩy ra thị trường vẫn khá nhiều, gà biểu to đang dần có lại trong khi gà khu vực này đã tạm ngưng đi Cam từ hôm qua.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	28.000-29.500	28.000-29.500	27.000-30.000
	Miền Nam	27.000-28.000	18.000-19.000	19.000-27.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	28.500-29.500	28.500-29.500	27.000-29.500
	Vĩnh Phúc	29.000-30.000	29.000-30.000	27.000-30.000
	Hà Nội	29.000-30.000	29.000-30.000	27.000-30.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	25.000-26.000	20.000-21.000	21.000-28.000
	Bình Phước	25.000-26.000	20.000-21.000	21.000-28.000

- **Tình hình đi Cam:** Nếu những ngày cuối tuần trước, gà trống trong Nam vẫn lai rai đi Cam với lượng 4-5.000 con/ngày thì từ hôm qua, gà trong Nam đã ngưng hoàn toàn sang Cam tiêu thụ do giá gà trống Nam Bộ nhóng tốt trở lại.

Ước tính lượng gà trống đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)

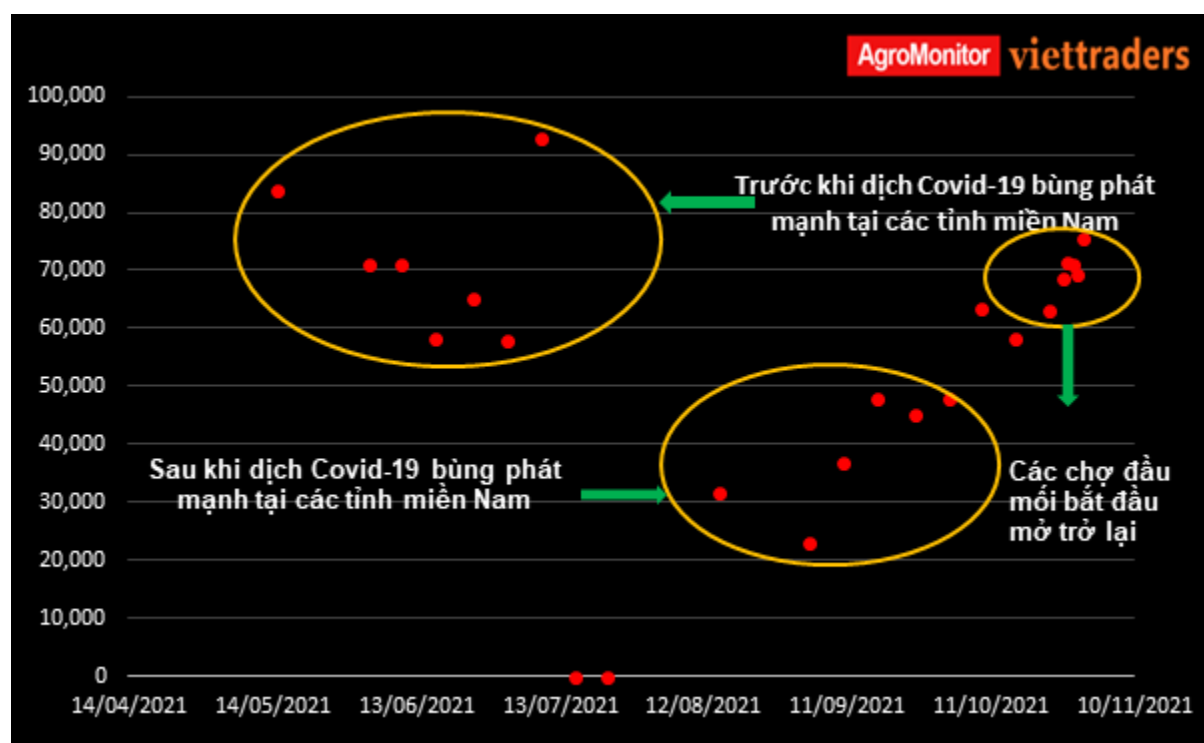
Ngày	Gà đi Cam	Gà đi Bắc
26/10	5.000	-
27/10	10.000	-
28/10	5.000	-
29/10	5.000	-
1/11	-	-

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày 30/10 đạt 75.565 con, tăng tốt gần 20% so với lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày cuối tuần trước đó 23/10 và mức này chỉ còn thấp hơn 8% so với công suất cho phép của lò An Nhơn.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 4 tháng 10/2021 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	23/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	63,084	68,719	71,510	71,085	69,162	75,565

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Diễn biến gà trắng giống

- Tại miền Bắc, giá giống gà trắng 1 ngày tuổi chững lại quanh mức 4-6.000 đồng/kg. Với vùng giá này, các công ty chuyên ấp nở giống đang chịu lỗ tương đối nhiều khiến các công ty đẩy bán trứng ra thị trường nhiều hơn khiến nguồn cung trứng ngoài Bắc dồi dào, giá trứng được nhận định sẽ giảm liên tục trong tuần này.

- Tại miền Nam, giống gà trắng tạm ngưng chào ra Bắc từ cuối tuần trước, thay vào đó, các công ty chuyển sang bán trứng giống nhằm cắt giảm lượng giống dư thừa và cắt giảm chi phí ấp nở, vaksin cho con giống.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	01/11/2021	29/10/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	5.000-6.000	5.000-6.000
	Ăn cám công ty	4.000-4.500	4.000-4.500
DOC- miền Nam	Bán ngoài	6.000-7.000	6.000-7.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-6.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	01/11/2021	29/10/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1800	2000
	Mix04(>=20.3kg)	1700	1900
	Mix05(>=19.3kg)	1600	1800
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1450	1450
	Loại 22.5kg	1350	1350
	Loại 21.5kg	1250	1250
	Loại 20.5kg	1150	1150
	Loại 19.5kg	1050	1050

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà ta lai CP ổn định quanh mức 39-40.000 đồng/kg, tiêu thụ nội vùng rất ảm đạm. Gà ngoài Bắc vẫn lai rai đóng lên Hà Giang tiêu thụ với lượng 6-7.000 con/ngày với giá xuống xe được 48-49.000 đồng/kg. Với giao dịch con giống, giá gà màu giống Cp tiếp tục giảm còn 4.000 đồng/con, giá giống Tiến Đạt giảm còn 7.000 đồng/con và giá giống lai hồ, lai mía trong dân cũng giảm xuống 6.5-7.000 đồng/con do lực vào đàn mới gần như không có khi các trại chăn nuôi đã vào kín chuồng để xuất dịp Tết Nguyên đán.

- Tại miền Nam, giá gà ta lai CP một số tỉnh thành tiếp tục tăng lên 40-42.000 đồng/kg do cung gà màu nhìn chung vẫn thấp hơn cầu.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
---------	------------	------------	------------

Gà ta lai CP – miền Bắc	39.000-40.000	39.000-40.000	40.000-42.000
Gà ta lai CP – miền Nam	40.000-42.000	40.000	37.000-40.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dur – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	50.000-55.000	50.000-55.000	50.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	38.000-40.000	38.000-40.000	38.000-40.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	01/11/2021	29/10/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dur	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lại Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	7.000	11.000-12.000
DOC- Lai mía	6.500-7.000	9.000-10.000
DOC- Lai Hồ	6.500-7.000	9.000-10.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	01/11/2021	29/10/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dur	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- **Tại miền Bắc**, mặc dù cung vịt có lại nhiều hơn nhưng giá vịt bơ tiếp tục giữ ổn định quanh mức 34-36.000 đồng/kg do tiêu thụ những ngày cuối tháng âm lịch tốt hơn. Với con giống, giá giống vịt bơ một số công ty tăng tiếp lên 13-16.000 đồng/con do nguồn cung giống chưa thực hồi phục. Trong khi đó, giá giống bầu cánh trắng đảo chiều lao dốc còn 5.5-6.000 đồng/kg do giá vịt ngoài Bắc liên tục suy yếu trong khi thời tiết mưa kéo dài khiến lực thả nuôi vịt ngoài đồng cũng giảm theo.

- **Tại miền Tây**, giá vịt grimaud điều chỉnh giảm liên tục trong 3 ngày gần đây, kéo giá xuống còn 45-46.000 đồng/kg do lực bán vịt thịt tại cửa trại ế ẩm.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	01/11/2021	29/10/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	34.000-36.000	34.000-36.000	34.000-38.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	50.000-53.000	50.000-53.000	48.000-49.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	45.000-46.000	56.000-57.000	53.000-57.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	01/11/2021	29/10/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	13.000-16.000	13.000-15.000
	DOC- Vịt Grimaud	13.000-16.000	13.000-15.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.500-6.000	10.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	20.000	20.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay tiếp tục giữ ở mức thấp, được khoảng 2.500 con. Ảnh hưởng thời tiết xấu, mưa lạnh trong mấy ngày trở lại đây khiến giao dịch trầm lắng kéo giá gà nhập về chợ (mua xô) có chiều hướng giảm nhẹ, xuống phổ biến quanh 31.500 đồng/kg, theo đó giá bán ra cũng hạ xuống mức 31-34.000 đồng/kg, tùy gà trống hay mái.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	01/11/2021	29/10/2021
Gà trắng	Mua vào	31.500	33.000-33.500
	Bán ra	31.000-34.000	33.000-36.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	50.000	50.000
	Bán ra	55.000	55.000
Gà Japfa	Mua vào	44.000-48.000	44.000-48.000
	Bán ra	50.000-53.000	50.000-53.000

Tin mới nhất